

Task 1. Listen and decide whether the statements are true (T) or false (F). (*Hãy nghe và xác định xem các câu sau là đúng (T) hay sai (F).*)

Lan's Talk

1.	2.	3.	4.	5.	6.
----	----	----	----	----	----

Long's Talk

1.	2.	3.	4.	5.
----	----	----	----	----

Bài nghe:

Words to talk about fashion trends

Materials: **leather**, _____

Adjectives to describe:

- Good-looking: **stylish**, pretty, _____
- Bad-looking: **silly**, ugly, _____
- Other: **practical**, **suitable**, _____

1. My shoes are very comfortable and _____. People always ask me where I got them.
2. Headscarves are a new _____ this year. You'll see many girls and women wearing scarves.
3. These clothes look so _____. I don't know who would buy them. People will laugh at them.
4. Many women's shoe designs aren't _____. Your feet will hurt if you wear them all day.
5. On Tết holiday, you should wear a shirt that is _____ for visiting your relative's house.
6. I don't wear _____ because I don't think animals should be hurt to make clothes.

Đáp án:

Words to talk about fashion trends:

Materials: leather, cotton, jeans, wool

Adjectives to describe:

Good-looking: stylish, pretty, fashionable, beautiful, attractive

Bad-looking: silly, ugly, terrible

Other: practical, suitable, comfortable, uncomfortable

1. stylish	2. trend	3. silly
4. practical	5. suitable	6. leather

Hướng dẫn dịch:

Từ để nói về xu hướng thời trang:

Chất liệu: da, cotton, jeans, len

Tính từ để miêu tả:

Ưa nhìn: sành điệu, xinh đẹp, thời trang, xinh đẹp, hấp dẫn

Xấu xí: ngớ ngẩn, xấu xí, khủng khiếp

Khác: thiết thực, phù hợp, thoải mái, không thoải mái

1. stylish (adj): sành điệu, phong cách

Giày của tôi rất thoải mái và phong cách. Mọi người luôn hỏi tôi lấy chúng ở đâu.

2. trend (n): xu hướng

Khăn trùm đầu là một xu hướng mới trong năm nay. Bạn sẽ thấy nhiều cô gái và phụ nữ đeo khăn quàng cổ.

3. silly (adj): ngớ ngẩn

Những bộ quần áo này trông thật ngớ ngẩn. Tôi không biết ai sẽ mua chúng. Mọi người sẽ cười nhạo họ.

4. practical (adj): thiết thực

Nhiều thiết kế giày của phụ nữ không thực tế. Bàn chân của bạn sẽ bị đau nếu bạn mang chúng cả ngày.

5. suitable (adj): phù hợp

Vào ngày Tết, bạn nên mặc một chiếc áo phù hợp để đến thăm nhà họ hàng của bạn.

6. leather (n): da

Tôi không mặc đồ da vì tôi không cho rằng động vật đáng bị tổn thương nhằm mục đích may quần áo.

b. In pairs: Use the words in Task a to describe the pictures. Which styles do you like? Why? (Theo cặp: Sử dụng các từ trong Bài a để mô tả các bức tranh. Bạn thích phong cách nào? Tại sao?)

I think the girl wearing sunglasses looks stylish. (Tôi nghĩ rằng cô gái đeo kính râm trông sành điệu.)



Gợi ý:

- I think the man wearing a floral shirt inside and a vest outside looks silly.
- I think the man with long hair looks very comfortable.
- I think the girl in the leather jacket looks very trendy.
- I like the style of the girl in the leather jacket because that style looks both stylish and trendy.

Hướng dẫn dịch:

- Tôi nghĩ rằng người đàn ông mặc áo sơ mi hoa bên trong, áo vest bên ngoài trông rất ngớ ngẩn.
- Tôi nghĩ người đàn ông tóc dài trông rất thoải mái.
- Tôi nghĩ cô gái mặc áo da trông rất hợp xu hướng.
- Tôi thích phong cách của cô gái mặc áo da. Vì phong cách đó trông vừa sành điệu, vừa bắt kịp xu hướng.

Listening (phần a->e trang 15 sgk Tiếng Anh 11 Smart World):

a. Listen to a podcast about fashion in the past. What is the main focus of the talk?

(Nghe một podcast về thời trang trong quá khứ. Trọng tâm chính của bài nói chuyện là gì?)